ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập –Tự do – Hạnh phúc
Số: 03/2020/QĐ-UBND	*Đồng Tháp, ngày 22 tháng 01 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành mức thu và sử dụng nguồn thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa khi chuyển đất chuyên trồng lúa nước sang sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;

Căn cứ Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 01 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;

Căn cứ Nghị quyết số 60/2016/NQ-HĐND ngày 03 tháng 8 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp ban hành quy định mức thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định về mức thu, thời gian nộp và sử dụng nguồn thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa khi chuyển đất chuyên trồng lúa nước sang sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong nước; tổ chức, cá nhân nước ngoài được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất (gọi chung là người sử dụng đất) từ đất chuyên trồng lúa nước sang sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp.

Đối với các trường hợp thu hồi đất trồng lúa nước giao Trung tâm Phát triển quỹ đất trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện bồi thường, giải phóng

mặt bằng để giao cho các chủ đầu tư thực hiện dự án thì Trung tâm Phát triển quỹ đất có trách nhiệm nộp tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa và thu lại số tiền này khi bàn giao đất cho các chủ đầu tư theo quy định.

Đối với trường hợp thu hồi đất trồng lúa nước giao Ban quản lý Dự án và Phát triển quỹ đất cấp huyện thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng để giao cho các chủ đầu tư thực hiện dự án thì Ban quản lý dự án và Phát triển quỹ đất cấp huyện có trách nhiệm nộp tiền để bảo vệ, phát triển đất trồng lúa và thu lại số tiền này khi bàn giao đất cho các chủ đầu tư theo quy định.

Điều 3. Mức thu, thời gian nộp nguồn thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa khi chuyển đất chuyên trồng lúa nước sang sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp

1. Mức thu:

Mức thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa	=	Diện tích đất chuyên trồng lúa nước chuyển sang sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp	x	Giá của loại đất trồng lúa (tính theo Bảng giá đất quy định của UBND tỉnh tại thời điểm chuyển mục đích sử dụng đất)	x	50%

2. Thời hạn nộp:

Thời hạn nộp khoản tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa của các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao đất, cho thuê, chuyển mục đích sử dụng đất chuyên trồng lúa nước để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp là 30 ngày kể từ ngày nhận được thông báo khoản tiền phải nộp của Sở Tài chính (đối với cơ quan, tổ chức được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp), phòng Tài chính – Kế hoạch huyện, thị xã, thành phố (đối với hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất chuyên trồng lúa nước để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp).

Điều 4. Sử dụng nguồn thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa khi chuyển đất chuyên trồng lúa nước sang sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp:

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện sử dụng kinh phí do người được nhà nước giao đất, cho thuê đất chuyên trồng lúa nước để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp từ đất chuyên trồng lúa nước nộp và nguồn kinh phí hỗ trợ theo quy định tại khoản 2 Điều 7 của Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa, để thực hiện bảo vệ, phát triển đất trồng lúa, trong đó:

1. Hỗ trợ cho người trồng lúa:

Sử dụng không thấp hơn 50% kinh phí dùng hỗ trợ cho người trồng lúa để áp dụng giống mới, tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới trong sản xuất lúa; hỗ trợ liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm.

2. Phần kinh phí còn lại để thực hiện các nội dung sau:

a) Phân tích chất lượng hóa, lý tính của các vùng đất chuyên trồng lúa nước có năng suất, chất lượng cao định kỳ 10 năm để sử dụng hiệu quả và có biện pháp cải tạo phù hợp.

b) Cải tạo nâng cao chất lượng đất chuyên trồng lúa nước hoặc đất trồng lúa nước còn lại: tăng độ dày của tầng canh tác; tôn cao đất trồng lúa trũng, thấp; tăng độ bằng phẳng mặt ruộng; tháu chua, rửa mặn đối với đất bị nhiễm phèn, mặn và các biện pháp cải tạo đất khác.

c) Đầu tư xây dựng, duy tu bảo dưỡng các công trình hạ tầng nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn xã, trong đó ưu tiên đầu tư hệ thống giao thông, thủy lợi trên đất trồng lúa.

d) Khai hoang, phục hóa đất chưa sử dụng thành đất chuyên trồng lúa nước hoặc đất trồng lúa nước còn lại.

Điều 5. Xác định và phê duyệt số tiền phải nộp để bảo vệ và phát triển đất trồng lúa khi chuyển đất chuyên trồng lúa nước sang sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp

1. Diện tích đất trồng lúa nước được Nhà nước giao, cho thuê, chuyển mục đích sử dụng sang mục đích phi nông nghiệp từ đất chuyên trồng lúa nước được xác định cụ thể tại Quyết định giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định số tiền phải nộp để bảo vệ và phát triển đất trồng lúa đối với cơ quan, tổ chức được nhà nước giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định số tiền phải nộp để bảo vệ và phát triển đất trồng lúa đối với hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp theo đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường.

Khoản tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa nộp vào ngân sách cấp tỉnh 100%, hạch toán vào tài khoản 7111, chương tương ứng với đối tượng nộp. Ví dụ: tổ chức kinh tế ngoài quốc doanh cấp tỉnh: chương 554; hộ gia đình, cá nhân cấp huyện: chương 757; mục thu khác, mã nội dung kinh tế (tiểu mục) 4914.

Điều 6. Trách nhiệm của các sở, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh diện tích đất chuyên trồng lúa nước bị mất do chuyển đổi mục đích sử dụng theo định kỳ hàng năm.

b) Tổng hợp dự toán và phân khai kinh phí từ nguồn thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa khi chuyển đổi đất chuyên trồng lúa nước sang sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp để áp dụng giống mới, tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới trong sản xuất lúa; hỗ trợ liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường

Xác định diện tích đất trồng lúa nước chuyển đổi sang mục đích phi nông nghiệp làm cơ sở xác định tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa phải nộp ngân sách nhà nước đối với các tổ chức được nhà nước giao đất, cho thuê đất theo quy định.

3. Sở Tài chính

a) Quản lý, tham mưu phân bổ và sử dụng nguồn kinh phí quy định tại Điều 3 của Quyết định này và các văn bản khác có liên quan.

b) Tổ chức thu khoản tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa và nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định. Trường hợp quá thời hạn nộp theo công văn của cơ quan tài chính địa phương, người được Nhà nước giao đất, cho thuê đất sẽ phải nộp thêm tiền chậm nộp theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

4. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

a) Chỉ đạo Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường xác định số tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa khi chuyển đất chuyên trồng lúa nước sang sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp.

b) Tổ chức công bố công khai và quản lý chặt chẽ đất trồng lúa nước theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trồng lúa của địa phương đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; xác định cụ thể diện tích, ranh giới đất trồng lúa, báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường.

c) Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh về việc bảo vệ diện tích, chỉ giới, chất lượng đất trồng lúa theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.

d) Chỉ đạo Uỷ ban nhân dân các xã, phường, thị trấn phối hợp với các phòng chuyên môn của Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố thực hiện tốt Quyết định này.

5. Các nội dung khác có liên quan thực hiện theo quy định tại Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa; Nghị định 62/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa.

Điều 7. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2020; thay thế Quyết định số 47/2016/QĐ-UBND ngày 14 tháng 9 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định mức thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Chánh Văn phòng Uỷ ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường; Cục trưởng Cục Thuế; Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố; Chi cục trưởng Chi cục Thuế huyện, thị xã, thành phố; các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 6;
- UBTV Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TT/TU, TT/HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH đơn vị tỉnh Đồng Tháp;
- CT, các PCT/UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, KT/Sương.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Digitally signed by Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp
DN: c=VN, o=Tỉnh Đồng Tháp, l=Đồng Tháp, cn=Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp
Date: 2020.01.22 16:30:39 +07'00'

Phạm Thiện Nghĩa